

TƯ DUY PHẢN BIỆN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG NĂM 2026

Dương Na Ly^{1,2} và Đặng Thị Loan^{2,✉}

¹Trường Đại học Hùng Vương

²Trường Đại học Thăng Long

Tư duy phản biện là một năng lực thiết yếu trong đào tạo sinh viên điều dưỡng và đóng một vai trò quan trọng để phát triển năng lực ra quyết định lâm sàng, nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị người bệnh. Tại Việt Nam còn hạn chế các nghiên cứu về tư duy phản biện trên đối tượng sinh viên điều dưỡng tại khu vực miền Bắc. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tư duy phản biện và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Hùng Vương. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 194 sinh viên Điều dưỡng năm 2, 3, 4 Trường Đại học Hùng Vương. Tư duy phản biện được đo bằng thang Critical Thinking Self Assessment Scale (CTSAS); niềm tin vào năng lực bản thân được đánh giá bằng thang đo General Self-Efficacy Scale (GSES). Kết quả cho thấy điểm trung bình Tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng là $173,3 \pm 44,4$. Niềm tin vào năng lực bản thân, năm học, sinh viên có việc làm thêm và kinh nghiệm thực tập lâm sàng có liên quan với tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng. Các chương trình đào tạo cần lồng ghép các phương pháp dạy học khác nhau và tạo môi trường thực hành giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện hiệu quả.

Từ khóa: Tư duy phản biện, sinh viên điều dưỡng, niềm tin vào năng lực bản thân.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, yêu cầu về năng lực nghề nghiệp đối với người điều dưỡng ngày càng cao. Tư duy phản biện là một trong những năng lực quan trọng giúp người điều dưỡng thích ứng với môi trường chăm sóc sức khỏe phức tạp. Tư duy phản biện là một hình thức tư duy có định hướng, tập trung vào vấn đề, trong đó cá nhân kiểm tra các ý tưởng hoặc giải pháp khả thi để tìm ra lỗi hoặc hạn chế.¹ Theo UNESCO, tư duy phản biện là một trong những kỹ năng thiết yếu của thế kỷ XXI cần được tích hợp vào chương trình giáo dục để phát triển năng lực ra quyết định lâm sàng, nâng cao chất lượng chăm sóc

và điều trị người bệnh.² Trong thực hành điều dưỡng, người điều dưỡng có tư duy phản biện tốt có khả năng đưa ra quyết định đúng đắn, xử lý vấn đề linh hoạt và cung cấp dịch vụ chăm sóc người bệnh hiệu quả hơn. Ngược lại, thiếu tư duy phản biện có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả, tính chuyên nghiệp, độc lập và khả năng giải quyết vấn đề trong công việc. Theo nghiên cứu của Kaya và cộng sự (2017) tại Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình tư duy phản biện ở mức thấp, kết quả ghi nhận tương tự ở nghiên cứu của Ling Wu và cộng sự (2023) trên 100 điều dưỡng mới ra trường, trong đó có mối liên quan giữa tư duy phản biện với phương pháp giảng dạy, học tập dựa vào vấn đề.^{3,4} Tại Việt Nam các nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng năm cuối cho thấy năng lực tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng còn chưa đồng đều.⁵⁻⁷ Theo nghiên cứu của Hoàng Thanh Thư (2025) cho thấy tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng năm

Tác giả liên hệ: Đặng Thị Loan

Trường Đại học Thăng Long

Email: loandt@thanglong.edu.vn

Ngày nhận: 13/04/2026

Ngày được chấp nhận: 01/06/2026

cuối ở mức độ yếu, trong đó yếu tố có công việc làm thêm có liên quan có ý nghĩa thống kê với tư duy phản biện.⁶ Tuy nhiên, ở nghiên cứu của Lê Ngọc Tuyết (2025) cho thấy kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng năm cuối trong chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu ở mức tương đối tốt và có mối liên quan với mức độ tự tin.⁷

Mặc dù, có nhiều nghiên cứu về tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng, nhưng các nghiên cứu ở Việt Nam chủ yếu thực hiện tại các trường đại học lớn và tập trung vào đối tượng sinh viên năm cuối hoặc trong phạm vi một số học phần cụ thể. Trong khi tư duy phản biện là một kỹ năng quan trọng cần được hình thành, đánh giá và phát triển liên tục từ những năm học đầu. Bên cạnh đó, các dữ liệu nghiên cứu về tư duy phản biện tại khu vực phía Bắc còn hạn chế, đặc biệt tại Trường Đại học Hùng Vương chưa ghi nhận công trình nghiên cứu nào thực hiện trên đối tượng sinh viên điều dưỡng. Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với 2 mục tiêu: 1) *Đánh giá tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Hùng Vương năm 2026*; 2) *Phân tích một số yếu tố liên quan đến tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng*.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Là sinh viên điều dưỡng năm 2, 3, 4 đang theo học hệ chính quy tại Trường Đại học Hùng Vương. Sinh viên năm thứ nhất không được lựa chọn vì chưa được học các học phần liên quan đến chuyên ngành điều dưỡng.

- Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Sinh viên đang trong thời gian bảo lưu kết quả học tập.

- Sinh viên có quyết định thôi học hoặc đình

chỉ học tập.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Thời gian thu thập số liệu: từ tháng 1/2026 đến tháng 3/2026.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Hùng Vương.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Chọn toàn bộ sinh viên điều dưỡng từ năm hai đến năm tư hệ chính quy Trường Đại học Hùng Vương đảm bảo đủ tiêu chuẩn nghiên cứu. Tổng số cỡ mẫu là 194 sinh viên.

Công cụ thu thập số liệu: Bộ công cụ thu thập thông tin gồm 3 phần:

Phần A: Thông tin chung bao gồm các câu hỏi về tuổi, giới tính, năm học, nơi ở, công việc làm thêm, điểm trung bình tích lũy, thời gian tự học, kinh nghiệm thực tập lâm sàng, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu khoa học.

Phần B: Tư duy phản biện

Nghiên cứu sử dụng thang đo Critical Thinking Self-Assessment Scale (CTSAS) là thang đo đánh giá các lĩnh vực nhận thức - hành vi của tư duy phản biện do Nair và Stamler (2017) phát triển.⁸ Công cụ này được phát triển dựa trên khung khái niệm của Facione (1990).⁹ Thang đo CTSAS gồm 46 câu, sử dụng thang đo Likert 7 mức độ (0 = Không bao giờ, 1 = Hiếm khi, 2 = Đôi khi, 3 = Thỉnh thoảng, 4 = Thường, 5 = Thường xuyên, 6 = Luôn luôn). Tổng điểm dao động từ 0 đến 276, điểm càng cao thì kỹ năng tư duy phản biện càng cao. Hệ số Cronbach's α dao động từ 0,70 – 0,88.⁸ Thang đo gồm 6 nhóm kỹ năng bao gồm giải thích, phân tích, đánh giá, suy luận, biện luận và tự điều chỉnh. Thang đo này đã được dịch và chuẩn hóa bởi Nguyễn Văn Trung và cộng sự (2023) với hệ số Cronbach's α = 0,96 và ICC đạt giá trị tốt là 0,91 (95% CI: 0,82, 0,96).⁵ Trong nghiên cứu này, giá trị Cronbach's Alpha là 0,97.

Phần C: Niềm tin vào năng lực bản thân

Để đo niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên điều dưỡng, nghiên cứu sử dụng thang đo General Self-Efficacy Scale (GSES) do Schwarzer và Jerusalem phát triển vào năm 1995 và được Trần Thị Hoàng Oanh và cộng sự (2024) chuyển ngữ sang tiếng Việt vào năm 2024.¹⁰ Thang đo đã được đánh giá có độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's alpha là 0,9.¹⁰ Trong nghiên cứu này giá trị Cronbach's alpha là 0,81. Thang đo gồm 10 câu hỏi, để đánh giá bốn khía cạnh về thành tích học tập, phát triển kỹ năng và kiến thức, tương tác xã hội với giảng viên, ứng phó với căng thẳng học tập. Thang đo Likert 4 mức độ (1 = Hoàn toàn không đúng, 2 = Hầu như không đúng, 3 = Khá đúng, 4 = Hoàn toàn đúng), điểm dao động từ 10 đến 40, điểm càng cao thể hiện niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên càng cao.

Quy trình thu thập và xử lý số liệu: Sau khi được sự cho phép của cơ sở đào tạo và giảng viên phụ trách lớp học, nhóm nghiên cứu đến trực tiếp từng lớp học để tiến hành thu thập số liệu. Sinh viên được mời tham gia vào nghiên cứu sau khi được giải thích về mục đích

và cách thức tiến hành nghiên cứu. Bộ công cụ khảo sát được xây dựng trên nền tảng Google Form, với thiết lập đảm bảo tính đầy đủ và ẩn danh dữ liệu. Dữ liệu sau khi thu thập được kiểm tra, làm sạch, loại bỏ các phản hồi không hợp lệ và được mã hóa. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0. Tính phân phối chuẩn của các biến liên tục đã được kiểm chứng trước khi thực hiện các phép tính thống kê mô tả như tần suất, trung bình, độ lệch chuẩn. Sử dụng phép kiểm định Independent Samples T-test, one-way ANOVA, phân tích tương quan Pearson để xác định mối liên quan giữa các yếu tố với tư duy phản biện với mức ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

3. Đạo đức nghiên cứu

Sự tham gia nghiên cứu của sinh viên là hoàn toàn tự nguyện. Các thông tin thu thập chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Sự đồng ý hay từ chối tham gia hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến việc học của sinh viên. Nghiên cứu đã được chấp thuận của hội đồng đạo đức Trường Đại học Thăng long (số quyết định 38/2025/HĐĐĐ).

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm chung và niềm tin vào năng lực bản thân của đối tượng nghiên cứu (n = 194)

	Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
<i>Giới tính</i>	Nam	28	14,4
	Nữ	166	85,6
<i>Khu vực cư trú</i>	Khu vực thành thị	78	40,2
	Khu vực nông thôn	116	59,8
<i>Công việc làm thêm</i>	Có	75	38,7
	Không	119	61,3
<i>Điểm trung bình tích lũy (GPA)</i>	< 2,5	29	14,9
	2,5 - 3,19	133	68,6
	≥ 3,2	32	16,5

	Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Năm học	Năm 2	109	56,2
	Năm 3	48	24,7
	Năm 4	37	19,1
Thời gian tự học	< 1 tiếng/ ngày	31	16,0
	1 - 2 tiếng/ ngày	117	60,3
	> 2 tiếng/ ngày	46	23,7
Kinh nghiệm thực tập lâm sàng	Có	87	44,8
	Không	107	55,2
Tham gia nghiên cứu khoa học	Đã từng	66	34
	Chưa từng	128	66
Niềm tin vào năng lực bản thân (10 - 40)	Năm 2	29,1 ± 4,9 (12 - 40)	
	Mean ± SD (Min - Max)		
	Năm 3	30,3 ± 3,4 (23 - 39)	
	Mean ± SD (Min - Max)		
	Năm 4	30,3 ± 3,4 (25 - 40)	
	Mean ± SD (Min - Max)		
	Tổng GSES	29,9 ± 4,5 (12 - 40)	
	Mean ± SD (Min - Max)		

Trong tổng số 194 sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ giới chiếm phần lớn với tỉ lệ 85,6%. Sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 chiếm tỷ lệ cao nhất là 56,2%. Đa số sinh viên có học lực khá (68,6%);

chưa tham gia nghiên cứu khoa học (66%); chưa có kinh nghiệm lâm sàng (55,2%). Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên điều dưỡng với tổng điểm trung bình là 29,9 ± 4.5.

Bảng 2. Tư duy phản biện của đối tượng nghiên cứu (n = 194)

Nội dung	Mean ± SD	Min	Max
Nhóm kỹ năng tự điều chỉnh (0 - 36)	24,6 ± 6,5	4	36
Nhóm kỹ năng đánh giá (0 - 42)	26,9 ± 8,3	5	42
Nhóm kỹ năng giải thích (0 - 48)	28,5 ± 8,9	4	48
Nhóm kỹ năng diễn giải (0 - 48)	29,8 ± 9,0	8	48
Nhóm kỹ năng phân tích (0 - 54)	31,3 ± 10,7	4	54
Nhóm kỹ năng suy luận (0 - 48)	32,1 ± 9,2	2	48
Tư duy phản biện (0 - 276)	173,3 ± 44,4	40	272

Tổng điểm trung bình CTSAS là 173,3 ± 44,4. Nhóm kỹ năng suy luận có trung bình 32,1 ± 9,2, tiếp theo là kỹ năng phân tích 31,3 ± 10,7, nhóm kỹ năng tự điều chỉnh có điểm 24,6 ± 6,5.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến tư duy phản biện

Đặc điểm chung		Tư duy phản biện	
		Mean ± SD	p
Giới	Nam	165,8 ± 51,8	0,400*
	Nữ	174,6 ± 43,1	
Khu vực sống	Nông thôn	170,7 ± 44,2	0,322*
	Thành thị	177,2 ± 44,6	
Thời gian tự học	< 1 tiếng/ ngày	155,5 ± 50,9	0,028**
	1 - 2 tiếng/ ngày	174,4 ± 42,7	
	> 2 tiếng/ ngày	182,7 ± 41,5	
Việc làm thêm	Không	167,5 ± 40,5	0,028*
	Có	182,5 ± 48,8	
Kinh nghiệm thực tập lâm sàng	Không	167,4 ± 45,8	0,036*
	Có	180,7 ± 41,7	
Tham gia nghiên cứu khoa học	Không	169,7 ± 44,5	0,110*
	Có	180,4 ± 43,7	
Năm học	Năm 2	166,6 ± 45,8	0,015*
	Năm 3, 4	181,9 ± 41,2	
Điểm trung bình tích lũy (GPA)	< 2,5	169,3 ± 53,6	0,658*
	≥ 2,5	174,0 ± 42,7	
Niềm tin vào năng lực bản thân	r = 0,44 p < 0,001***		

*Kiểm định Independent samples T Test; ** Kiểm định one-way ANOVA; *** Tương quan pearson

Bảng kết quả cho thấy tư duy phản biện có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với biên thời gian tự học, việc làm thêm, kinh nghiệm thực tập và năm học ($p < 0,05$). Ngược lại, các yếu tố như giới tính, khu vực sống, học lực và tham gia nghiên cứu khoa học không có mối liên quan có ý nghĩa ($p > 0,05$). Có mối tương quan thuận giữa niềm tin vào năng lực bản thân và tư duy phản biện với $r = 0,444$; $p < 0,001$.

IV. BÀN LUẬN

1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Hùng Vương có tỷ lệ nữ giới cao với 85,6%, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hồ Nguyễn Anh Tuấn (81,9%) và Hoàng Thanh Thư (89,2%).^{6, 11} Điều này phù hợp với đặc điểm phân bố giới tính mang tính

ngành nghiệp đặc thù của ngành điều dưỡng. Về việc làm thêm, sinh viên điều dưỡng có việc làm thêm chiếm tỷ lệ 38,7%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Hoàng Thanh Thư (36,1%).⁶ Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có việc làm thêm trong nghiên cứu này cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phương (5,2%).¹² Đối với hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học, có 34% sinh viên có tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kết quả này cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Xuân Huỳnh (16%).¹³ Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi sự khác nhau về thời điểm và bối cảnh nghiên cứu. Trong những năm gần đây, xu hướng đào tạo điều dưỡng đã chuyển mạnh sang định hướng nghiên cứu và thực hành dựa trên bằng chứng, do đó tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu có xu hướng gia tăng. Tại Trường Đại học Hùng Vương, hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng thông qua việc tổ chức thường niên các cuộc thi khoa học sinh viên, các cuộc thi khởi nghiệp và phong trào sáng tạo, từ đó tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tiếp cận và tham gia nghiên cứu.

Về niềm tin vào năng lực bản thân, điểm trung bình của sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu là $29,9 \pm 4,5$. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Shehadeh thực hiện trên sinh viên điều dưỡng tại Jordan.¹⁴ Từ kết quả này ta có thể thấy niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên điều dưỡng đã có mức độ tự tin nhất định, để đạt được điều này có liên quan đến chương trình học chú trọng đến học tập tích cực và thực hành nhiều giúp sinh viên có nhiều trải nghiệm thực tế và củng cố niềm tin vào năng lực bản thân.

2. Tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu cho thấy tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Hùng Vương có tổng điểm trung bình $173,3 \pm$

$44,4$, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung năm 2023 ($168,29 \pm 44,43$), điều này phản ánh thực trạng chung về tư duy phản biện của sinh viên khối ngành điều dưỡng. Kết quả nghiên cứu của Lê Ngọc Tuyết có tổng điểm tư duy phản biện trung bình là $188,52 \pm 32,52$ nghiên cứu trên đối tượng là sinh viên điều dưỡng năm cuối.⁷ Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi yếu tố năm học, sinh viên năm cuối có điểm tổng điểm trung bình tư duy phản biện cao hơn liên quan đến sinh viên đã học qua nhiều học phần và có cơ hội rèn nghề trong những đợt thực tập lâm sàng tại bệnh viện. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Jimenez tại Tây Ban Nha.¹⁵ Việc đối chiếu kết quả với các nghiên cứu khác sử dụng cùng thang đo tại Việt Nam chủ yếu nhằm mục đích đặt năng lực tư duy phản biện trong bối cảnh chung của ngành điều dưỡng, qua đó nhận diện xu hướng hoặc các đặc điểm tương đồng. Tuy nhiên việc so sánh giữa các nghiên cứu cần được diễn giải cẩn trọng do chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như chất lượng đầu vào của sinh viên, chương trình đào tạo, cấu trúc học phần và các phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, sự phân bố số lượng các mô đun hoặc học phần theo từng năm học cũng có thể tạo nên sự khác biệt trong quá trình hình thành và phát triển tư duy phản biện giữa sinh viên các trường. Do đó, kết quả nghiên cứu không chỉ phản ánh năng lực của đối tượng khảo sát mà còn thể hiện những đặc điểm riêng của mẫu nghiên cứu và bối cảnh đào tạo.

Khi tách riêng từng nhóm kỹ năng, kỹ năng suy luận có điểm trung bình $32,1 \pm 9,2$, tiếp đến là nhóm kỹ năng phân tích $31,3 \pm 10,7$ và nhóm kỹ năng tự điều chỉnh có điểm trung bình $24,6 \pm 6,5$. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung và Lê Ngọc Tuyết.^{5,7} Tuy nhiên, khi sử dụng thang đo Watson–Glaser Critical Thinking Appraisal để đánh giá tư duy phản biện, nghiên cứu của Hồ Nguyễn Anh Tuấn

và Hoàng Thanh Thư đã chỉ ra nhóm kỹ năng suy luận thấp nhất.^{6,11} Sự khác biệt này có thể liên quan đến đến sự khác nhau về công cụ đo lường, chương trình đào tạo và phương pháp học của mỗi sinh viên. Trong nghiên cứu này, sinh viên phát triển tốt ở kỹ năng suy luận có thể do chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hùng Vương hằng năm có hơn 100 giờ để bồi dưỡng phát triển kỹ năng cho sinh viên, trong đó sinh viên điều dưỡng được phát triển các kỹ năng xử lý các tình huống lâm sàng, đây là một trong những yếu tố giúp sinh viên có nhiều hơn thời gian tiếp cận các phương pháp giảng dạy tích cực và khuyến khích sự tranh luận khi xử lý tình huống, điều này phù hợp với nghiên cứu của Zarzycka.¹⁶ Mặc dù, sinh viên có kỹ năng suy luận tốt nhưng kỹ năng tự điều chỉnh chưa cao, do kỹ năng này mang tính cá nhân cao và đòi hỏi sinh viên phải tự điều chỉnh thường xuyên trong suốt quá trình học tập và thực tế đào tạo sinh viên điều dưỡng sẽ nặng về kiến thức và thực hành kỹ thuật, ngoài ra khối lượng kiến thức lớn và thời gian hạn chế điều này dẫn đến sinh viên có hướng suy luận tốt nhưng còn khó khăn khi đánh giá và tự điều chỉnh lại bản thân. Vì vậy, cần tăng cường các phương pháp giảng dạy tích cực và sự định hướng của giảng viên giúp sinh viên nhận ra ưu nhược điểm và điều chỉnh trong suốt quá trình học.

Yếu tố liên quan đến tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng

Nghiên cứu ghi mối tương quan thuận giữa niềm tin vào năng lực bản thân và tư duy phản biện với ($r = 0,444$; $p < 0,001$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Yurt tại Thổ Nhĩ Kỳ và nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung đều có kết quả tương quan thuận giữa niềm tin vào năng lực bản thân và tư duy phản biện.^{5,17} Kết quả này cho thấy niềm tin vào năng lực bản thân không chỉ là yếu tố tâm lý cá nhân mà còn là động lực thúc đẩy năng lực tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng. Theo lý thuyết nhận

thức xã hội của Bandura, người có niềm tin vào năng lực bản thân giúp cải thiện sự tập trung, nỗ lực và khả năng giải quyết vấn đề. Những đặc điểm này sẽ hỗ trợ phát triển tư duy phản biện cho sinh viên.¹⁸ Việc phát triển niềm tin vào năng lực bản thân trong quá trình học tập và thực hành lâm sàng có ý nghĩa thiết thực đối với chất lượng đào tạo và chăm sóc người bệnh.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tư duy phản biện và yếu tố năm học. Sinh viên năm 3 năm 4 có điểm trung bình tư duy phản biện cao hơn nhóm sinh viên năm 2, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Jimenez.¹⁵ Điều này cho thấy tư duy phản biện được cải thiện theo quá trình đào tạo liên quan đến phương pháp giảng dạy, nâng cao kỹ năng của sinh viên. Vì vậy, cần chú trọng phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên điều dưỡng ngay từ những năm học đầu.

Về yếu tố thời gian tự học, nghiên cứu tìm thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,028$), kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung nhưng lại trái ngược với nghiên cứu của Hồ Nguyễn Anh Tuấn cho thấy thời gian tự học không có mối liên quan.^{7,13} Sự khác biệt này có thể do liên quan đến sự đa dạng trong các phương pháp tự học và mức độ chủ động của sinh viên. Khi dành nhiều thời gian cho việc tự học, sinh viên có cơ hội tìm kiếm tài liệu, phân tích vấn đề, đối chiếu kiến thức và tự đánh giá hiểu biết của bản thân. Từ đó giúp nâng cao năng lực tư duy phản biện của sinh viên.

Đối với yếu tố việc làm thêm, nghiên cứu đã chỉ ra sinh viên có việc làm thêm có điểm tư duy phản biện cao hơn và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,028$), kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung.⁵ Nghiên cứu của García-Vargas cũng chỉ ra rằng sinh viên có việc làm thêm trên 20 giờ mỗi tuần có

ảnh hưởng đến kết quả học tập.¹⁹ Sự khác biệt này có thể liên quan đến tính chất và mức độ của công việc làm thêm. Sinh viên có thể tham gia các công việc làm thêm có tính chất tương tác cao hoặc công việc có liên quan đến chuyên môn và làm việc ở mức độ vừa phải, điều đó giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế và cải thiện kỹ năng tư duy phản biện. Do đó, các cơ sở đào tạo cần định hướng và tư vấn cho sinh viên lựa chọn công việc làm thêm phù hợp với chuyên môn, có tính chất tương tác và đảm bảo thời gian làm việc hợp lý, nhằm vừa nâng cao kỹ năng tư duy phản biện vừa không ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Đối với kinh nghiệm thực tập lâm sàng, nghiên cứu cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,036$), kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Li wang.²⁰ Sinh viên có kinh nghiệm thực tập lâm sàng có điểm tư duy phản biện cao hơn cho thấy thực tập lâm sàng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tư duy phản biện. Vì vậy, cần tăng cường phát triển tư duy phản biện cho nhóm sinh viên chưa được tiếp cận lâm sàng để nâng cao chất lượng dạy và học điều dưỡng.

Đây là nghiên cứu đầu tiên thực hiện trên sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Hùng Vương nhằm khảo sát năng lực tư duy phản biện và một số yếu tố liên quan. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số điểm hạn chế như thiết kế nghiên cứu theo hướng nghiên cứu cắt ngang. Do đó, nghiên cứu chỉ cho phép xác định mối liên quan giữa các yếu tố và tư duy phản biện mà chưa thể khẳng định quan hệ nguyên nhân kết quả. Bên cạnh đó, việc khảo sát đồng thời sinh viên từ năm thứ hai đến năm thứ tư là những nhóm có sự khác biệt về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra có thể làm giảm tính chuyên sâu so với việc đánh giá trên từng học phần hoặc từng giai đoạn đào tạo cụ thể.

Ngoài ra, bộ công cụ CTSAS được xây dựng nhằm đánh giá điểm số theo thang liên tục và

hiện chưa có ngưỡng cắt tiêu chuẩn để phân loại mức độ. Vì vậy, các nhận định về mức độ năng lực trong nghiên cứu chỉ mang tính chất so sánh tương đối với các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu cũng chưa xem xét đến một số yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến tư duy phản biện như phương pháp giảng dạy, sự hỗ trợ từ giảng viên. Đây là những hướng tiếp cận cho các nghiên cứu trong tương lai, đặc biệt là các nghiên cứu đánh giá tư duy phản biện theo từng học phần hoặc theo dõi sự thay đổi năng lực của sinh viên trong suốt quá trình đào tạo.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu cho thấy điểm trung bình tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Hùng Vương có tổng điểm trung bình $173,3 \pm 44,4$. Trong các nhóm kỹ năng của tư duy phản biện, sinh viên cần phát triển để nâng cao cả 6 nhóm kỹ năng, đặc biệt nhóm kỹ năng về tự điều chỉnh. Nghiên cứu cũng xác định được niềm tin vào năng lực bản thân có tương quan thuận với kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng, ngoài ra các yếu tố thời gian tự học, sinh viên có việc làm thêm, năm học và kinh nghiệm thực tập lâm sàng được xác định liên quan đến tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Đối với công tác quản lý và đào tạo, các chương trình đào tạo điều dưỡng cần lồng ghép các phương pháp giảng dạy tích cực, dạy học dựa vào bằng chứng, tình huống mô phỏng lâm sàng ngay từ các học phần y học cơ sở, khoa học cơ bản đến học phần chuyên ngành. Việc này nhằm thúc đẩy sự chủ động trong học tập và tạo điều kiện để sinh viên phát triển niềm tin vào năng lực bản thân ngay từ những năm học đầu, giúp sinh viên từng bước tự tin trong giải quyết vấn đề. Việc này góp phần vào sự hình thành và phát triển tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng. Bên cạnh đó, số liệu

của nghiên cứu có thể được tham khảo để xây dựng tiêu chí chuẩn hoặc chuẩn đầu ra về năng lực tư duy phản biện cụ thể đối với từng năm học cho nhà trường.

Đối với các nghiên cứu trong tương lai, việc khảo sát chung cho ba năm học đã cung cấp số liệu tổng quan về thực trạng tại nhà trường. Nhưng để có cái nhìn sâu sắc hơn, các nghiên cứu tới nên tập trung đánh giá từng học phần cụ thể hoặc thực hiện nghiên cứu dọc để theo dõi sự phát triển năng lực tư duy phản biện từ năm nhất đến năm cuối.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Hùng Vương, Bộ môn Điều dưỡng cùng toàn thể giảng viên, sinh viên đã hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Association AP. Thinking. APA Dictionary of Psychology. 2018;
2. Scott CL. The Futures of learning 2: what kind of learning for the 21st century. *UNESCO Education Research and Foresight*. 2015
3. Kaya H, Şenyuva E, Bodur G. Developing critical thinking disposition and emotional intelligence of nursing students: a longitudinal research. *Nurse Education Today*. 2017; 48:72-77.
4. Wu H-L, Lu D-F, Tsay P-K. Critical thinking disposition and influencing factors among new graduate nurses. *The Journal of Continuing Education in Nursing*. 2023; 54(5):233-240.
5. Nguyen TV, Tang MF, Kuo SY, Hu SH, Ngọc TDT, Chuang YH. Nursing students' critical thinking and associated factors in Vietnam: A multicenter cross-sectional study. *Nurse education in practice*. 2023; 73:103823.
6. Hoàng Thanh Thư, Nguyễn Thị Nhẫn, Nguyễn Xuân Lành. Tư duy phản biện của sinh viên điều dưỡng năm cuối và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh*. 2025; 28(2):58-65.
7. Lê Ngọc Tuyết, Nguyễn Phùng Bảo Minh. Kỹ năng tư duy phản biện trong thực hành chăm sóc hồi sức tích cực của sinh viên điều dưỡng. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2025;(86):56-62.
8. Nair GG, Hellsten LM, Stamler LL. Accumulation of Content Validation Evidence for the Critical Thinking Self-Assessment Scale. *Journal of nursing measurement*. 2017; 25(1):156-170.
9. PAF. The California Critical Thinking Skills Test-College Level. Technical Report. Technical Report #1. Experimental Validation and Content Validity. *California Academic Press*. 1990.
10. Oanh TTH, Thuy LT, Huyen NTT, Huh S. The effect of simulation-based training on problem-solving skills, critical thinking skills, and self-efficacy among nursing students in Vietnam: a before-and-after study. *jeehp*. 2024; 21(0):24-0.
11. Hồ Nguyễn Anh Tuấn, Trần Thị Cẩm Duyên. Năng lực tư duy phản biện của sinh viên ngành điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2025; 66 (CĐ9-NCKH).
12. Nguyễn Thị Ngọc Phương, An Thị Trà My, và cs. Năng lực tự định hướng học tập của sinh viên cử nhân điều dưỡng và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh*. 2016; tập 20(Số 5):24-28.
13. Nguyễn Thị Xuân Huỳnh, Nguyễn Thị Hạnh, và cs. Nguyên cứu thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với nghiên cứu khoa học và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022;49:119-126.
14. Shehadeh JH, Hamdan-Mansour AM, Halasa S, et al. Academic Stress and Self-Efficacy as Predictors of Academic Satisfaction

among Nursing Students. *The Open Nursing Journal*. 2020;14(1):92-99.

15. Jimenez J-M, Lopez M, Castro M-J, Martin-Gil B, Cao M-J, Fernandez-Castro M. Development of critical thinking skills of undergraduate students throughout the 4 years of nursing degree at a public university in Spain: a descriptive study. *BMJ open*. 2021;11(10):e049950.

16. Zarzycka D, Gesek M. The factors affecting the critical thinking skills among nursing students—An integrative literature review. *Nursing in the 21st Century*. 2022;21(3(80)):174-180.

17. Yurt E, Hayli Ç M. Mediating role of self-efficacy and cognitive flexibility in the relationship between critical thinking and

positive mental health in Turkish nursing students: a cross-sectional study. *BMJ open*. 2025;15(8):e097631.

18. Nickerson C. Albert Bandura's social cognitive theory. *Simply Psychology*. Updated March 31, 2025. Accessed May 24, 2026. <https://www.simplypsychology.org/social-cognitive-theory.html>.

19. García-Vargas MC, Rizo-Baeza M, Cortés-Castell E. Impact of paid work on the academic performance of nursing students. *PeerJ*. 2016;4:e1838.

20. Wang L, He L-h, Wan J-h. Implementation of a guideline-based clinical practice teaching model to enhance learning and thinking abilities in undergraduate nursing students. *BMC Nursing*. 2025;24(1):572.

Summary

CRITICAL THINKING AND ASSOCIATED FACTORS AMONG NURSING STUDENTS AT HUNG VUONG UNIVERSITY IN 2026

Critical thinking is an essential competency skill in nursing education and plays a crucial role in developing clinical decision-making abilities, as well as improving the quality of patient care and treatment. In Vietnam, studies on critical thinking among nursing students in the Northern region remain limited. This study aimed to assess critical thinking and its associated factors among nursing students at Hung Vuong University. A cross-sectional descriptive study was conducted on 194 second-, third-, and fourth-year nursing students at Hung Vuong University. Critical thinking skills were measured using the Critical Thinking Skill Assessment Scale (CTSAS), and self-efficacy was evaluated using the General Self-Efficacy Scale (GSES). The results showed that the mean critical thinking score of students was 173.3 ± 44.4 . Self-efficacy, academic year, part-time employment, and clinical practice experience were identified as factors associated with critical thinking among nursing students. Educational programs should integrate appropriate teaching methods and provide practical learning environments to effectively enhance students' critical thinking.

Keywords: Critical thinking, nursing students, self-efficacy.